TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16-3-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Thành;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa*:** Bà Bồ Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-02-2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 2, ấp Ph, xã P, thị xã T, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt;

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ thường trú: Khu 10, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định; tạm trú: Tổ 1, ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh Bình Dương; xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Phạm Văn H có thời gian tìm hiểu nhau thì tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Hòa Bình và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35/2014, quyển số 01/2014 ngày 13-8-2014. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ khoảng tháng 6 năm 2016 đến nay thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả.

Hiện tại, vợ chồng đã ly thân. Bà L và ông H đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Trần Thị L yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Minh A, sinh ngày 08-4-2017. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Bà L tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên bà L có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Bị đơn ông Phạm Văn H đã được Tòa án nhân dân thị xã T triệu tập hợp lệ nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 20-02-2020, ông H có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Uyên Hưng, thị xã T, tỉnh Bình Dương về mâu thuẫn vợ chồng của bà L và ông H thì chính quyền địa phương không rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu và kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị L và bị đơn ông Phạm Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Phạm Văn H có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Tâm, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình theo Giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn số 35/2014, quyển số 01/2014 ngày 13-8-2014, là hôn nhân hợp pháp.

Bà Trần Thị L xác định từ năm 2016 đến nay vợ chồng không còn sống chung và không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà L là do tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vả, từ tháng 6 năm 2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, hiện tại vợ chồng không đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Phạm Văn H đã được Tòa án nhân dân thị xã T tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông H không đến Tòa án cho thấy ông H không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và ông H đã từ bỏ quyền chứng minh, phản bác của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 17 và 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: "*Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*". Đối chiếu với quy định nêu trên thì việc chung sống giữa bà Trần Thị L và ông Phạm Văn H không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được, việc bà L yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Minh A, sinh ngày 08-4-2017. Sau khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, con chung hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi và đang sống chung với bà L, bà L có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà Trần Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý chí tự nguyện của bà L.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Phạm Văn H như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn H.

- Về con chung: Giao con chung tên Phạm Minh A, sinh ngày 08-4-2017 cho bà Trần Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Trần Thị L và ông Phạm Văn H đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị L về việc không yêu cầu ông Phạm Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037484 ngày 19-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Tâm